

Số: /BC-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO
Ngày 31/3/2026**BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH,
VIỆC PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, VIỆC ỨNG DỤNG, THÚC ĐẨY
PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ
CHUYỂN ĐỔI SỐ, BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI, VIỆC THỰC HIỆN
CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TRONG DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 87/2025/QH15); Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (NN&MT) đã tiến hành đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Dự thảo Luật). Kết quả như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ**1. Bối cảnh xây dựng Dự thảo Luật**

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (Luật BVMT 2020) được ban hành với nhiều cải cách quan trọng, chuyển mạnh mẽ sang quản lý môi trường theo hướng phòng ngừa, quản lý theo mức độ rủi ro, tăng cường sử dụng công cụ kinh tế, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn và mở rộng trách nhiệm của nhà sản xuất (EPR). Luật BVMT 2020 đã phát huy vai trò của người dân, doanh nghiệp và cả hệ thống chính trị trong việc tham gia vào các hoạt động BVMT, thay đổi phương thức quản lý môi trường đối với dự án đầu tư theo các tiêu chí môi trường; kiểm soát chặt chẽ dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao. Nhiều quy định Luật đã giúp cho việc cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính (TTHC), góp phần giảm chi phí tuân thủ của doanh nghiệp thông qua các quy định thu hẹp đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường (ĐTM); tích hợp các TTHC vào 01 giấy phép môi trường (GPMT); đồng bộ các công cụ quản lý môi trường theo từng giai đoạn của dự án, bắt đầu từ khâu xem xét chủ trương đầu tư, thẩm định dự án, thực

hiện dự án cho đến khi dự án đi vào vận hành chính thức và kết thúc dự án. Luật đã phân cấp mạnh mẽ cho địa phương thông qua chế định giao UBND cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các bộ có liên quan thẩm định báo cáo ĐTM, bảo đảm quản lý thống nhất tại địa phương, thuận lợi cho công tác kiểm tra, giám sát, cấp phép sau này và phù hợp với xu hướng phân cấp cho địa phương. Luật cũng đã thiết kế khung chính sách hướng đến việc hình thành đạo luật về BVMT có tính tổng thể, toàn diện và hài hòa với hệ thống pháp luật về kinh tế-xã hội.

- Bối cảnh thế giới gần đây cho thấy, biến đổi khí hậu (BĐKH) tiếp tục là vấn đề toàn cầu trung tâm, được nhiều quốc gia coi là thách thức an ninh. Khoa học, công nghệ và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tác động sâu rộng, thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và thay đổi toàn diện phương thức quản lý, sản xuất, tiêu dùng. Công nghệ số góp phần nâng cao hiệu quả chuỗi giá trị, mở rộng thị trường và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia. Hòa bình và hợp tác phát triển vẫn là xu thế chủ đạo, dòng vốn đầu tư quốc tế có xu hướng suy giảm và tái cấu trúc theo hướng ưu tiên tính bền vững, tập trung vào các lĩnh vực xanh và kinh tế số. xu hướng phát triển xanh, kinh tế các-bon thấp và các tiêu chuẩn môi trường trong thương mại quốc tế ngày càng gia tăng, nhất là từ các nước EU, sẽ trở thành động lực và áp lực lớn đối với các quốc gia đang phát triển.

Trong nước, Việt Nam đang có nhiều cơ hội phát triển nhờ vị thế quốc tế được nâng cao, mạng lưới đối tác chiến lược mở rộng và khả năng thu hút đầu tư nước ngoài. Các xu hướng chuyển đổi số, chuyển đổi xanh tạo điều kiện thuận lợi để đạt mục tiêu công nghiệp hóa vào năm 2030. Tuy nhiên, quá trình phát triển nhanh cũng làm gia tăng áp lực lên môi trường, bao gồm ô nhiễm trong nước và nguy cơ ô nhiễm xuyên biên giới, nhập khẩu công nghệ lạc hậu và chất thải. Bối cảnh BĐKH ngày càng nghiêm trọng cùng với việc thực hiện Thỏa thuận Paris đặt ra yêu cầu chuyển đổi sang mô hình phát triển các-bon thấp, tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo. Các công cụ mới như thị trường các-bon, tín chỉ các-bon mở ra cơ hội nhưng cũng tiềm ẩn rủi ro nếu thiếu cơ chế quản lý chặt chẽ, đặc biệt là hệ thống đo đạc, báo cáo và thẩm tra (MRV). Nếu không kiểm soát tốt, thị trường các-bon có thể làm suy giảm hiệu quả chính sách khí hậu và không phản ánh đúng giá trị môi trường thực tế. Thực tiễn quốc tế cho thấy nếu không chú trọng bảo vệ môi trường (BVMT), chi phí môi trường sẽ vượt xa lợi ích kinh tế. Các cảnh báo cho thấy nếu GDP tăng nhanh mà không kiểm soát môi trường, mức độ ô nhiễm có thể tăng gấp nhiều lần, gây thiệt hại kinh tế và ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe cộng đồng. Điều này đặt ra thách thức lớn trong bối cảnh Việt Nam hướng tới mục tiêu tăng trưởng cao, thậm chí hai con số. Do đó, việc triển khai hiệu quả các chính sách và công cụ quản lý môi trường là yêu cầu cấp thiết nhằm chuyển đổi mô hình phát triển từ kinh tế tuyến tính sang kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và phát thải thấp. Đồng thời, cần nâng cao chất lượng thu hút FDI, tăng cường tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu và phát triển khoa học, công nghệ phục vụ cả sản xuất và BVMT.

- Với những cơ sở nêu trên, việc xây dựng và ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường là cần thiết để nhằm thể chế hóa

kip thời, đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng đáp ứng yêu cầu mới của quốc tế và khu vực, bảo đảm sự thống nhất trong hệ thống pháp luật, giảm chi phí tuân thủ, làm rõ cơ chế phân cấp và phân quyền, tăng cường hiệu lực hậu kiểm và nâng cao tính khả thi trong việc thực thi các chính sách môi trường mới. Ngày 26/9/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 105/2025/UBTVQH15 về Chương trình lập pháp năm 2026, trong đó giao Chính phủ xây dựng và trình Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường vào tháng 10/2026. Thực hiện yêu cầu này, ngày 24/10/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2352/QĐ-TTg về phân công cơ quan chủ trì soạn thảo và thời hạn trình các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trong Chương trình lập pháp năm 2026.

2. Mục đích, yêu cầu đánh giá

- Thực hiện rà soát các thủ tục hành chính (TTHC) được sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ trong Dự thảo Luật. Nghiên cứu, xem xét về sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp của TTHC cũng như tính các chi phí mà cá nhân, tổ chức phải bỏ ra khi thực hiện TTHC để cân nhắc, lựa chọn phương án, giải pháp tối ưu cho việc ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung TTHC.

- Rà soát nội dung Dự thảo Luật, xác định các nội dung phân quyền, phân cấp trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động bảo vệ môi trường. Việc phân quyền, phân cấp phải bảo đảm rõ chủ thể, nội dung, phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, công khai theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

- Rà soát nội dung, xác định, đánh giá các nội dung liên quan đến việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong dự thảo đảm bảo đồng bộ, thống nhất, có tính khả thi khi tổ chức thực hiện trên thực tiễn.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá thủ tục hành chính (TTHC)

1.1. Thống kê danh mục TTHC sửa đổi, bổ sung trong Dự thảo Luật

Bộ NN&MT đã thực hiện rà soát Dự thảo Luật với tổng số lượng TTHC sửa đổi, bổ sung là 03 TTHC, bao gồm:

- 1) TTHC 1: Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (Điều 28, 30, 32, 34, 35).
- 2) TTHC 2: Cấp giấy phép môi trường (Điều 39, 40, 42, 43).
- 3) TTHC 3: Điều chỉnh giấy phép môi trường (Điều 44).

1.2. Đánh giá tác động của các TTHC sửa đổi, bổ sung

Thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy định pháp luật; Kết luận 183-KL/TW ngày

01/8/2025 về tích cực triển khai vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, chuyển mạnh cấp cơ sở sang chủ động nắm, điều hành kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh; Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/03/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC) liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026, dự thảo Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) được xây dựng theo hướng chỉ quy định những “vấn đề khung”, “những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội”; các quy định cụ thể, chi tiết thuộc thẩm quyền của Chính phủ và các Bộ, ngành sẽ được quy định tại văn bản dưới Luật để bảo đảm tính linh hoạt, phù hợp với thực tiễn.

Dự thảo Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) không quy định các thủ tục hành chính mới mà chỉ kế thừa và sửa đổi các quy định về thủ tục hành chính hiện hành theo hướng đơn giản hoá, thu hẹp các đối tượng thực hiện thủ tục hành chính. Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) chỉnh sửa các tiêu chí về môi trường để phân loại dự án đầu tư, đề xuất điều chỉnh đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường theo hướng giảm đối tượng (không tô hợp các tiêu chí về môi trường như trước đây); bổ sung đối tượng không phải thực hiện đánh giá tác động môi trường (một số dự án trong K-CCN); sửa đổi theo hướng đơn giản hóa nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường và lược bỏ các nội dung được thực hiện theo quy định pháp luật chuyên ngành khác nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho chủ thể thực hiện thủ tục hành chính. Dự thảo Luật cũng bổ sung các đối tượng không phải có giấy phép môi trường là “Cơ quan, trụ sở làm việc, trường học; doanh trại lực lượng vũ trang”; làm rõ sự phù hợp các nội dung thực hiện TTHC chỉ tập trung vào việc tuân thủ các quy định pháp luật về BVMT thay vì phù hợp với các pháp luật có liên quan khác để bảo đảm đúng phạm vi, cần kiểm soát, quản lý của Luật BVMT.

Các TTHC sửa đổi, bổ sung dự kiến đưa ra trong Dự thảo Luật về cơ bản chỉ cấu thành tên TTHC và một số nội dung chính (đối tượng thực hiện, cơ quan giải quyết), chưa hình thành đầy đủ nội dung của TTHC (gồm trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thành phần, số lượng hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai, thời hạn giải quyết, phí, lệ phí...). Các đối tượng và hồ sơ thực hiện TTHC cơ bản được xây dựng theo hướng điều chỉnh giảm đối tượng, giảm hồ sơ nhằm giảm thiểu gánh nặng TTHC, tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi cho các dự án đầu tư, cơ sở trong thực thi pháp luật BVMT. Chi tiết đánh giá TTHC (về trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai, thời hạn giải quyết, phí, lệ phí,...) sẽ được thực hiện trong quá trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật chi tiết khi các TTHC có đầy đủ các bộ phận cấu thành.

Trong lần sửa đổi này, Bộ NN&MT đã đồng thời nghiên cứu phương án giải quyết thủ tục hành chính theo quy trình toàn trình trên môi trường điện tử, hướng tới mục tiêu đơn giản hóa quy trình thực hiện. Tuy nhiên, kết quả khảo sát tại một số địa phương cho thấy hạ tầng kỹ thuật hiện vẫn còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu triển khai; cơ sở dữ liệu chưa được công khai và đồng bộ giữa các địa phương, đồng thời còn thiếu cơ sở dữ liệu dùng chung. Vì vậy, nội dung này sẽ được Bộ tiếp tục nghiên cứu, đề xuất vào thời điểm phù hợp hơn trong thời gian tới, khi hệ thống cơ sở dữ liệu được hoàn thiện và hạ tầng kỹ thuật của các địa phương đáp ứng đầy đủ yêu cầu.

Vì vậy báo cáo này chỉ đánh giá tác động chung của các thủ tục, bao gồm sự cần thiết của TTHC dự kiến ban hành, tính hợp lý, tính hợp pháp và các thông tin mang tính định tính. Việc đánh giá chi phí tuân thủ TTHC cũng chỉ mang tính tương đối, do các văn bản dưới luật sẽ quy định cụ thể trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai, thời hạn giải quyết, phí, lệ phí của các TTHC nêu trên. Kết quả đánh giá cụ thể như sau:

1.2.1. TTHC 1: Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Trong Dự thảo Luật này, quy định về ĐTM tiếp tục được điều chỉnh để phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành, hài hòa thông lệ, kinh nghiệm quốc tế về ĐTM, nâng cao chất lượng công tác ĐTM, bảo đảm đúng vai trò dự báo, kiểm soát ô nhiễm của công cụ ĐTM đối với dự án trong giai đoạn xem xét đầu tư. Theo đó, Dự thảo Luật đã được sửa đổi theo hướng đơn giản hóa các nhóm tiêu chí về môi trường để giúp chủ dự án thuận lợi hơn trong việc phân loại dự án đầu tư theo tiêu chí về môi trường, qua đó xác định phải thực hiện thủ tục hành chính có liên quan theo hướng rà soát để lược bỏ một số tiêu chí về môi trường, trong đó tập trung vào các tiêu chí theo phân vùng môi trường nhằm đồng bộ và đơn giản hóa việc phân loại dự án đầu tư theo tiêu chí môi trường. Đây là tiền đề để Chính phủ ban hành danh mục cụ thể từng loại hình dự án đầu tư để dễ dàng thực hiện phân loại và xác định trách nhiệm TTHC về môi trường thay vì dẫn chiếu một số tiêu chí đến pháp luật khác hoặc tổ hợp các tiêu chí như hiện nay. Dự thảo Luật đã phân loại dự án đầu tư theo 03 nhóm tương ứng với mức độ tác động xấu đến môi trường để xác định đối tượng thực hiện thủ tục hành chính về ĐTM theo 1 trong 2 loại (đơn giản hoặc chi tiết). Tiếp tục cắt giảm đối tượng thực hiện ĐTM, trong đó đề xuất dự án trong K-CCN không phải ĐTM, dự án không thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với quy mô, công suất nhỏ và không có yếu tố nhạy cảm về môi trường cũng không phải thực hiện ĐTM.

Dự thảo Luật cũng sửa đổi quy định về thẩm quyền thẩm định báo cáo ĐTM của Bộ, trong đó Bộ tập trung giải quyết TTHC cho nhóm đối tượng có tác động lớn đến nhiều tổ chức, cá nhân (như dự án hạ tầng KCN, dự án thực hiện dịch vụ xử lý chất thải) hoặc đối tượng liên quan đến điều ước Quốc tế mà Bộ làm đầu mối tham gia (như nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất);... Đối với các trường hợp còn lại thực hiện phân quyền cho địa phương giải quyết. Ngoài ra, Dự thảo Luật cũng đã sửa đổi, cắt giảm đối tượng phải thực hiện lại ĐTM khi có thay đổi theo nguyên tắc kế thừa tối đa kết quả thẩm định báo cáo ĐTM đã thực hiện trước đó; chỉ yêu cầu đối với dự án có phát sinh hạng mục, hoạt động mới chưa được đánh giá trong ĐTM trước đây. Dự thảo Luật quy định nguyên tắc về trình tự, biểu mẫu, thời hạn giải quyết TTHC cho từng nhóm dự án phải thực hiện ĐTM, trong đó dự án nhóm II được thực hiện đơn giản, thông thoáng hơn dự án nhóm I và giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này.

Các điều chỉnh trên dẫn đến những thay đổi về tên, đối tượng thực hiện, cơ quan thẩm định, thành phần hồ sơ, kết quả thực hiện TTHC... (*Đánh giá chi tiết được thực hiện tại biểu mẫu kèm theo*).

TTHC này quy định tại các Điều 28, 30, 32, 34, 35 của Dự thảo Luật.

1.2.2. TTHC 2: Cấp giấy phép môi trường

Với quan điểm, chủ trương tiếp tục cắt giảm, đơn giản hóa TTHC tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi cho các dự án nhưng vẫn bảo đảm quản lý chặt chẽ, hiệu quả bảo vệ môi trường khi dự án đi vào hoạt động, Dự thảo Luật đã sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 42 Luật BVMT theo hướng chỉ “quy định về bảo vệ môi trường của pháp luật khác có liên quan” thay cho “quy định khác của pháp luật có liên quan” (như Luật BVMT hiện hành) để bảo đảm đúng phạm vi, cần kiểm soát, quản lý của Luật BVMT; sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 39 Luật BVMT theo hướng bổ sung thêm đối tượng không phải có giấy phép môi trường là “Dự án đầu tư trụ sở làm việc của cơ quan thực hiện dịch vụ hành chính công; cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông”; sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 40 Luật BVMT theo hướng bãi bỏ nội dung cấp phép liên quan đến “nguồn phát sinh khí thải”, “nguồn phát sinh nước thải”, “tiếng ồn, độ rung”. Bên cạnh đó, sửa đổi, bổ sung Điều 43 theo hướng tiếp tục thực hiện đơn giản hóa các điều kiện, thành phần hồ sơ và rút ngắn thời gian thẩm định cấp giấy phép môi trường và tổ chức cấp giấy phép môi trường theo 02 hình thức: rút gọn và đầy đủ. Theo đó, thực hiện phân loại quy trình cấp giấy phép môi trường theo mức độ rủi ro, tác động đến môi trường của dự án đầu tư, cơ sở. Những dự án đầu tư, cơ sở thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ít có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, lưu lượng nước thải, khí thải và xả thải ít tác động xấu tới môi trường, không có yếu tố nhạy cảm về môi trường được thực hiện theo hồ sơ, trình tự, thủ tục rút gọn (thực hiện toàn bộ trên dịch vụ công toàn trình; không thành lập Hội đồng thẩm định; không tổ chức kiểm tra thực tế); dự án, cơ sở có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao, phát thải lớn hoặc nằm trong khu vực môi trường nhạy cảm thực hiện quy trình cấp giấy phép môi trường đầy đủ. Việc phân loại quy trình cấp giấy phép môi trường theo quản lý rủi ro môi trường là nền tảng để vừa giảm thủ tục hành chính, vừa bảo đảm kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm có nguy cơ cao. Đây là mô hình đã triển khai hiệu quả của nhiều quốc gia trên thế giới như các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu, Trung Quốc.

Trong Dự thảo Luật hiện quy định các nội dung cơ bản về tên, đối tượng thực hiện, cơ quan thực hiện, hồ sơ và trình tự. Các nội dung chi tiết của TTHC này sẽ được cụ thể hoá trong Thông tư hướng dẫn thi hành. *(Đánh giá chi tiết được thực hiện tại biểu mẫu kèm theo).*

TTHC này quy định tại các Điều 39, 40, 42, 43 Dự thảo Luật.

1.2.3. TTHC 3: Điều chỉnh giấy phép môi trường

Giấy phép sẽ được xem xét, điều chỉnh trong trường hợp có thay đổi nội dung cấp phép quy định tại khoản 2 Điều 40.

Trong Dự án Luật, TTHC này mới chỉ quy định mang tính nguyên tắc về tên, đối tượng, cơ quan thực hiện; các quy định chi tiết về hồ sơ, trình tự thủ tục... của TTHC sẽ được cụ thể trong Nghị định hướng dẫn của Chính phủ *(Đánh giá chi tiết được thực hiện tại biểu mẫu kèm theo).*

TTHC này quy định tại Điều 44 Dự thảo Luật.

2. Việc phân quyền, phân cấp trong Dự thảo Luật

- Quá trình thực hiện chủ trương của Đảng về đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt việc cắt giảm và đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, đạt được nhiều kết quả quan trọng. Trong năm 2025 và đầu năm 2026, Bộ NN&MT đã tham mưu Chính phủ trình Quốc hội sửa đổi nhiều quy định về việc đẩy mạnh phân cấp và phân quyền cho địa phương. Quốc hội đã thông qua Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung 15 luật trong lĩnh vực NN&MT, trong đó có Luật Bảo vệ môi trường. Bộ NN&MT cũng đã trình Chính phủ ban hành các Nghị định: số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và số 48/2026/NĐ-CP ngày 09/01/2026, trong đó cải cách mạnh mẽ các thủ tục hành chính về môi trường, cắt giảm hơn 10% đối tượng, đơn giản hóa trình tự thủ tục, giảm 30% thời gian giải quyết và giảm chi phí tuân thủ. Đồng thời, việc phân cấp, phân quyền trong giải quyết thủ tục hành chính về môi trường cho địa phương cũng được đẩy mạnh. Hiện tại, đối tượng thực hiện thủ tục hành chính về môi trường tại Bộ NN&MT chỉ tập trung vào một số dự án lớn, phức tạp, có khả năng gây ô nhiễm môi trường liên vùng và liên tỉnh, dự án liên quan đến điều ước, công ước quốc tế về môi trường mà Việt Nam tham gia và do Bộ NN&MT làm đầu mối.

Kết quả tổng hợp từ 18/34 địa phương cho thấy, việc thực hiện phân cấp, phân quyền cho UBND cấp tỉnh thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và cấp giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Bộ NN&MT đã tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong thực hiện TTHC, rút ngắn thời gian, chi phí tuân thủ TTHC cho tổ chức, cá nhân; góp phần nâng cao hiệu quả công tác cải cách TTHC; đảm bảo hiệu lực, hiệu quả và nâng cao vai trò quản lý nhà nước về môi trường tại các địa phương. Tuy nhiên, ngoài những kết quả đạt được, việc thực hiện nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền vẫn còn một số hạn chế như việc tăng khối lượng công việc nhưng nguồn nhân lực chuyên môn ở một số địa phương còn mỏng, chưa được bổ sung tương xứng với khối lượng nhiệm vụ tăng thêm; nhiều nơi phải sử dụng cán bộ kiêm nhiệm, khả năng huy động chuyên gia chuyên sâu còn khó khăn, nhất là với các dự án công nghệ phức tạp, quy mô lớn hoặc ở địa bàn xa trung tâm. Bên cạnh đó, việc hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu và mức độ liên thông dữ liệu giữa các hệ thống còn chưa đồng đều; quy trình thực hiện thủ tục hành chính chưa hoàn thiện, phần mềm, dữ liệu sau sắp xếp đơn vị hành chính hoặc tổ chức lại bộ máy,.... nên công tác thực hiện phân cấp, phân quyền còn gặp nhiều khó khăn.

- Trong Dự thảo Luật, việc phân quyền, phân cấp được định hướng gắn chặt với yêu cầu tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền 02 cấp, bảo đảm hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Dự thảo quán triệt nguyên tắc phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương và giữa các cấp chính quyền địa phương, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo tinh thần Kết luận số 183-KL/TW ngày 01/8/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tích cực triển khai vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây

dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đặt ra mục tiêu đến năm 2030. Cụ thể, có một số nội dung chính như sau:

+ Rà soát để lược bỏ một số tiêu chí về môi trường để phân loại dự án đầu tư nhằm cắt giảm đối tượng phải thực hiện ĐTM. Theo đó, dự án đầu tư được phân thành 03 nhóm (I, II và III) thay vì 04 nhóm như quy định hiện nay. Qua đó cắt giảm đối tượng phải thực hiện ĐTM; chuyển cơ chế kiểm soát từ tiền kiểm sang hậu kiểm cho nhiều đối tượng.

+ Quy định 02 hình thức lập báo cáo và thẩm định, phê duyệt ĐTM theo mức nguy cơ tác động xấu đến môi trường của dự án, trong đó: dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao (nhóm I) phải lập báo cáo ĐTM chi tiết và phải thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định; dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường (nhóm II) chỉ lập báo cáo ĐTM đơn giản và chỉ phải thẩm định để ban hành thông báo, không thực hiện thủ tục phê duyệt kết quả thẩm định; dự án không có nguy cơ tác động xấu đến môi trường (nhóm III) không phải lập báo cáo ĐTM, chỉ đăng ký môi trường hoặc cấp GPMT trước khi triển khai thực hiện.

+ Sửa đổi quy định về thẩm quyền thẩm định báo cáo ĐTM của Bộ NN&MT nhằm đẩy mạnh phân quyền cho địa phương theo hướng Bộ chỉ tập trung giải quyết cho các dự án lớn, có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động của nhiều đối tượng (dự án hạ tầng KCN); dự án quy mô lớn được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư; dự án có liên quan đến điều ước, công ước quốc tế mà Bộ được giao là cơ quan đầu mối thực hiện (thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại; nhập khẩu phế liệu) và một số dự án thuộc thẩm quyền giải quyết thủ tục của Bộ trong một số lĩnh vực khác để tạo điều kiện thuận lợi cho việc liên thông giải quyết TTHC (lĩnh vực: khoáng sản, biển và hải đảo). Tại thời điểm trình Chính phủ ban hành Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, Bộ NN&MT ước tính sau khi văn bản được ban hành sẽ phân cấp, phân quyền cho địa phương giải quyết khoảng 80% đối tượng thực hiện TTHC về môi trường từ Bộ NN&MT cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh so với thời điểm trước năm 2025.

- Chủ trương phân cấp, phân quyền quản lý từ Bộ NN& MT về các địa phương là hướng đi đúng, tuy nhiên, để tránh tình trạng buông lỏng quản lý hoặc chồng chéo trách nhiệm giữa các cơ quan có liên quan. Do đó, sau khi Dự thảo Luật được thông qua, các văn bản hướng dẫn (Nghị định, Thông tư) cũng cần sớm được Chính phủ và Bộ NN& MT ban hành. Ngoài các giải pháp mang tính vĩ mô như tăng cường cơ chế phối hợp từ Trung ương đến địa phương, cơ chế phối hợp liên vùng, đào tạo tập huấn, xây dựng hệ thống dữ liệu môi trường thống nhất, các địa phương cũng phải sớm có giải pháp nâng cao năng lực của cơ quan chuyên môn tại địa phương về nguồn lực cũng như các cơ chế chính sách được ban hành mới hoặc sửa đổi kịp thời. Việc kiểm tra giám sát sau khi phân quyền, phân cấp cũng cần được đẩy mạnh theo cơ chế Trung ương vẫn phải giữ vai trò chủ đạo trong việc thanh tra, kiểm tra định kỳ/đột xuất việc thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước đã được phân cấp, phân quyền cho địa phương, đồng thời bằng nhiều biện pháp tăng cường công tác giám sát việc ra các quyết định và thực thi chính

sách, pháp luật của các địa phương.

3. Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Một trong số các mục đích ban hành Luật là đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ trong công tác kiểm soát ô nhiễm, dự báo, cảnh báo, công khai thông tin về chất lượng môi trường. Chính vì thế, Dự thảo Luật đã bổ sung quy định về chuyển đổi số trong quản lý chất thải và thúc đẩy hoạt động tái chế, tái sử dụng chất thải, cụ thể là quy định chuyển đổi số trong quản lý chất thải để kiểm soát và truy xuất việc sử dụng, tái chế, xử lý chất thải thông qua việc quy định cụ thể về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phát sinh chất thải và các tổ chức, cá nhân thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải có trách nhiệm cung cấp, cập nhật dữ liệu điện tử về chất thải vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường theo lộ trình do Chính phủ quy định để hướng tới việc quản lý, tái chế, xử lý chất thải theo hình thức trực tuyến (bao gồm cả chứng từ, biên bản giao nhận điện tử về chuyển giao chất thải).

- Trong bối cảnh ô nhiễm môi trường, đặc biệt là ô nhiễm không khí tại các đô thị lớn, đang có diễn biến ngày càng phức tạp, dự thảo Luật đã tập trung hoàn thiện các quy định theo hướng chuyển đổi phương thức quản lý từ bị động xử lý khi sự cố đã xảy ra sang chủ động dự báo, phòng ngừa từ sớm. Theo đó, dự thảo Luật sửa đổi khoản 4 Điều 4 nhằm khẳng định nguyên tắc ưu tiên đối với công tác dự báo, phòng ngừa ô nhiễm và quản lý rủi ro môi trường. Đây là bước hoàn thiện quan trọng để thể chế hóa quan điểm bảo vệ môi trường “từ sớm, từ xa”, hạn chế tình trạng bị động trong ứng phó với các vấn đề và sự cố môi trường. Một nội dung đáng chú ý trong lần sửa đổi này là việc bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 12, theo đó tình trạng ô nhiễm môi trường không khí không chỉ phải được cảnh báo kịp thời mà còn phải được dự báo. Để bảo đảm cơ sở triển khai quy định này, dự thảo Luật đã bổ sung các căn cứ pháp lý cho việc đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số và công nghệ hiện đại trong công tác quản lý môi trường. Theo định hướng đó, hệ thống quản lý môi trường sẽ được vận hành trên cơ sở dữ liệu thời gian thực, đồng thời xây dựng nền tảng số quốc gia tích hợp dữ liệu quan trắc và kiểm kê phát thải theo hướng liên thông, thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Việc luật hóa công tác dự báo trên nền tảng công nghệ số không chỉ khắc phục hạn chế của quy định hiện hành vốn chủ yếu dừng ở việc thông báo khi ô nhiễm đã phát sinh, mà còn tạo điều kiện để cơ quan quản lý và cộng đồng dân cư chủ động chuẩn bị các biện pháp ứng phó, qua đó giảm thiểu tối đa tác động bất lợi đối với sức khỏe cộng đồng. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để tăng cường công khai, minh bạch thông tin về chất lượng môi trường, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước thông qua việc ứng dụng các công cụ quản lý hiện đại, thông minh.

- Bên cạnh đó, tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Dự thảo Luật đã sửa đổi, bổ sung các quy định về nền tảng số nhằm quản lý môi trường dựa trên dữ liệu theo thời gian thực,

liên thông giữa trung ương và địa phương, cụ thể là các quy định xây dựng và vận hành nền tảng số quản lý môi trường quốc gia, tích hợp dữ liệu quan trắc môi trường, kiểm kê phát thải, giấy phép môi trường và báo cáo tuân thủ; xác lập nghĩa vụ cung cấp, cập nhật và chia sẻ dữ liệu môi trường của cơ quan quản lý nhà nước, chủ nguồn thải và các hệ thống quan trắc tự động theo chuẩn thống nhất; bảo đảm liên thông dữ liệu trung ương - địa phương, phục vụ quản lý chất lượng môi trường, cảnh báo sớm và phối hợp liên ngành, liên tỉnh; quy định nguyên tắc công khai, minh bạch thông tin môi trường, phục vụ quản lý chất lượng môi trường, cảnh báo sớm và phối hợp liên ngành, liên tỉnh; nghiên cứu bổ sung quy định về hệ thống đăng ký phát thải và chuyển giao chất ô nhiễm môi trường nhằm minh bạch trách nhiệm báo cáo, giải trình của chủ nguồn thải.

- Để các quy định về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong thực tiễn trong Dự thảo Luật đi vào thực tiễn, cần có sự đồng bộ giữa Dự thảo Luật và các quy định liên quan như Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Giao dịch điện tử,...; đầu tư sớm Hệ thống dữ liệu đồng bộ và kết nối liên thông, tăng cường phối hợp liên ngành, liên vùng. Cần có sự phân công trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương (Trung ương ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn, kiến trúc hệ thống, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia và giám sát, hậu kiểm; địa phương triển khai hệ thống dữ liệu và tích hợp dữ liệu vào hệ thống quốc gia.

4. Việc bảo đảm bình đẳng giới

Bình đẳng giới là nguyên tắc cơ bản được ghi nhận trong Hiến pháp Việt Nam năm 2013 và cụ thể hóa trong Luật Bình đẳng giới năm 2006. Trong bối cảnh các vấn đề môi trường và biến đổi khí hậu ngày càng tác động khác nhau đến nam và nữ, việc bảo đảm bình đẳng giới trong Dự thảo Luật có ý nghĩa quan trọng nhằm thực hiện các cam kết quốc tế, đặc biệt là Công ước CEDAW.

Dự thảo Luật dưới góc độ bảo đảm bình đẳng giới được đặt trong mối quan hệ với các chuẩn mực của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế như Hiến pháp Việt Nam, Luật Bình đẳng giới, Công ước CEDAW ... Dự thảo Luật cũng đã quy định theo hướng trung tính về giới (áp dụng chung cho mọi cá nhân, tổ chức), không có quy định phân biệt trực tiếp giữa nam và nữ, thêm các quy định về tham vấn cộng đồng, tiếp cận thông tin môi trường,... đã thúc đẩy tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong ra quyết định, có sự tham gia của đại diện giới trong các hội đồng môi trường. Các chính sách được sửa đổi, bổ sung theo hướng hỗ trợ chuyển đổi sinh kế, bồi thường thiệt hại môi trường, tăng cường năng lực thụ hưởng quyền môi trường như nâng cao năng lực cho phụ nữ trong ứng phó biến đổi khí hậu, giáo dục môi trường có nhạy cảm giới.

5. Việc thực hiện chính sách dân tộc

Chính sách dân tộc trong Dự thảo Luật được xây dựng trên cơ sở nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết và hỗ trợ phát triển giữa các dân tộc theo Hiến pháp Việt Nam. Nội dung chính của chính sách đã được quy định nhằm bảo đảm quyền của đồng bào dân tộc thiểu số được sống trong môi trường trong lành, được tiếp cận thông tin và tham gia ý kiến đối với các dự án có ảnh hưởng đến môi trường sống

của mình. Đồng thời, Dự thảo Luật đã nhấn mạnh việc tăng cường sự tham gia của cộng đồng dân tộc trong hoạt động bảo vệ môi trường, đặc biệt thông qua cơ chế tham vấn cộng đồng. Bên cạnh đó, chính sách dân tộc trong Dự thảo Luật đã đề cao việc tôn trọng và phát huy tri thức bản địa trong bảo vệ tài nguyên thiên nhiên như rừng và nguồn nước, kết hợp với các quy định pháp luật hiện đại; ưu tiên đầu tư hạ tầng môi trường, hỗ trợ nước sạch, xử lý chất thải và chuyển đổi sinh kế bền vững cho vùng dân tộc thiểu số, góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu. Qua đó, có thể thấy các chính sách dân tộc trong Dự thảo Luật không chỉ bảo đảm công bằng xã hội mà còn thúc đẩy phát triển bền vững và nâng cao vai trò của cộng đồng trong bảo vệ môi trường.

Trên đây là bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT.

BỘ TRƯỞNG

Trần Đức Thắng

BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Tên dự thảo : Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 1: Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn đang quy định thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung)</i>	1. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025; Dự thảo Luật (Điều 28, 30, 32, 34, 35)
	2 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
	3 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
	4 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

	ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; 5 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; 6 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022; 7 Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu; 8 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày
--	---

	10/01/2022, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025.
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Có phù hợp với Hiến pháp không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Phù hợp Hiến pháp, bảo đảm nguyên tắc mọi người được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường
2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác, điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên không?	- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có ☐ Không ☒ - Với văn bản của cơ quan khác: Có ☐ Không ☒ - Với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ:
III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i> TTHC này tại Dự thảo Luật chỉ sửa tên, đối tượng, kết quả thực hiện; Không sửa đổi tên, trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết, cơ quan giải quyết, phí, lệ phí và chi phí khác, yêu cầu,	

điều kiện, mẫu đơn, tờ khai, Do vậy, tại giai đoạn hiện nay, chỉ đưa ra những đánh giá sơ bộ đối với các bộ phận TTHC được sửa đổi.	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Thẩm định báo cáo ĐTM được sửa đổi thành thẩm định báo cáo ĐTM chi tiết và thẩm định báo cáo ĐTM đơn giản bảo đảm phù hợp với nguồn lực và điều kiện thực thi quy định; đơn giản hóa thủ tục đối với những dự án có tác động không quá lớn với môi trường.
2. Trình tự thực hiện: Không sửa tại Dự thảo Luật mà giao tại văn bản dưới luật	
3. Cách thức thực hiện	Không sửa tại Dự thảo Luật mà giao tại văn bản dưới luật
4. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không sửa tại Dự thảo Luật mà giao tại văn bản dưới luật	
5. Thời hạn giải quyết: Không sửa tại Dự thảo Luật mà giao tại văn bản dưới luật	
6. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước ☐ Nước ngoài ☐ - Cá nhân: Trong nước ☐ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ: TTHC này không phân biệt tổ chức, cá nhân trong nước hay nước ngoài thực hiện

	thủ tục. TTHC chỉ áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có các hoạt động đầu tư có nguy cơ gây tác động xấu đến môi trường. - Có thể thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Đã cắt giảm và đưa ra các nhóm không phải thực hiện đánh giá tác động môi trường như các DA đầu tư công khẩn cấp, dự án trong Khu, cụm công nghiệp đã có hồ sơ ĐTM
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc ☒ - Lý do quy định: Các dự án đầu tư có thể triển khai trên phạm vi toàn quốc, không giới hạn vùng, miền. - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Các dự án đầu tư có nguy cơ gây tác động xấu đến môi trường có thể có địa điểm thực hiện ở trên phạm vi toàn quốc, không bị giới hạn ở các vùng, miền riêng biệt.
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm:	

7. Cơ quan giải quyết: Không sửa đổi	
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có): Không sửa tại Dự thảo Luật mà giao tại văn bản dưới luật	
9. Mẫu đơn, tờ khai: Không sửa tại Dự thảo Luật mà giao tại văn bản dưới luật	
10. Yêu cầu, điều kiện	Không sửa tại Dự thảo Luật mà giao tại văn bản dưới luật
11. Kết quả thực hiện	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Quyết định hành chính x - Văn bản xác nhận/chấp thuận x
b) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Chưa quy định ở cấp độ văn bản Luật, sẽ đánh giá khi có biểu mẫu tại văn bản dưới luật
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: Điện thoại cố định:; Di động:..... E-mail:.....	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 2: Cấp giấy phép môi trường

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ)</i>	1. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025; Dự thảo Luật (Điều 28, 30, 32, 34, 35)
	2 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ

<i>sung)</i>	môi trường; 3 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; 4 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; 5 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; 6 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022; 7 Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu; 8 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025.
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Có phù hợp với Hiến pháp không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Phù hợp Hiến pháp, bảo đảm nguyên tắc mọi người được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường
2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác, điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên không?	- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có ☐ Không ☒ - Với văn bản của cơ quan khác: Có ☐ Không ☒ - Với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ:

III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)

TTHC này tại Dự thảo Luật chỉ sửa đổi tượng, trình tự thực hiện; Không sửa đổi tên, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết, cơ quan giải quyết, phí, lệ phí và chi phí khác, yêu cầu, điều kiện, mẫu đơn, tờ khai, Do vậy, tại giai đoạn hiện nay, chỉ đưa ra những đánh giá sơ bộ đối với các bộ phận TTHC được sửa đổi.

1. Tên thủ tục hành chính: Không sửa đổi

2. Trình tự thực hiện:	Định hướng bổ sung thêm trình tự, thủ tục rút gọn. Nội dung chi tiết không sửa tại Dự thảo Luật mà giao tại văn bản dưới luật Dự thảo Luật định hướng bổ sung thêm trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp giấy phép môi trường đơn giản đối với các Dự án đầu tư, cơ sở thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ít có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; lưu lượng nước thải, khí thải và xả thải ít tác động xấu tới môi trường; không có yếu tố nhạy cảm về môi trường. Định hướng này tiếp tục cắt giảm quy trình thực hiện TTHC, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực thi pháp luật về BVMT, nhanh chóng đưa các dự án, cơ sở vào vận hành chính thức. Đánh giá chi tiết TTHC này sẽ được thực hiện khi có các nội dung quy định tại văn bản dưới luật
-------------------------------	---

3. Cách thức thực hiện Không sửa tại Dự thảo Luật mà giao tại văn bản dưới luật

4. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không sửa tại Dự thảo Luật mà giao tại văn bản dưới luật

5. Thời hạn giải quyết: Không sửa tại Dự thảo Luật mà giao tại văn bản dưới luật

6. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước ☐ Nước ngoài ☐ - Cá nhân: Trong nước ☐ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ: TTHC này không phân biệt tổ chức, cá nhân trong nước hay nước ngoài thực hiện thủ tục. TTHC chỉ áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có các hoạt động đầu tư có nguy cơ gây tác động xấu đến môi trường. - Có thể thu hẹp đối tượng thực hiện không?:

	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Đã cắt giảm và đưa ra các nhóm không phải có giấy phép môi trường bao gồm a) Dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư công; b) Dự án đầu tư không phải có giấy phép môi trường theo quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội; c) Cơ quan, trụ sở làm việc, trường học; doanh trại lực lượng vũ trang. Việc cắt giảm bảo đảm tính tương thích với các quy định pháp luật khác; đồng thời, tập trung nguồn lực để kiểm soát đối tượng có nguy cơ tác động xấu đến môi trường trong giai đoạn hoạt động.
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc ☒ - Lý do quy định: Các dự án đầu tư có thể triển khai trên phạm vi toàn quốc, không giới hạn vùng, miền. - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Các dự án đầu tư có nguy cơ gây tác động xấu đến môi trường có thể có địa điểm thực hiện ở trên phạm vi toàn quốc, không bị giới hạn ở các vùng, miền riêng biệt.
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm:	
7. Cơ quan giải quyết: Không sửa đổi	
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có): Không sửa tại Dự thảo Luật mà giao tại văn bản dưới luật	
9. Mẫu đơn, tờ khai: Không sửa tại Dự thảo Luật mà giao tại văn bản dưới luật	
10. Yêu cầu, điều kiện	Không sửa tại Dự thảo Luật mà giao tại văn bản dưới luật
11. Kết quả thực hiện: Không sửa đổi	
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: Điện thoại cố định:; Di động:	

E-mail:.....

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 3: Điều chỉnh giấy phép môi trường

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản đang quy định thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung)</i>	1. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025; Dự thảo Luật (Điều 28, 30, 32, 34, 35) 2 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; 3 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; 4 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; 5 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; 6 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022; 7 Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu; 8 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025.
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Có phù hợp với Hiến pháp không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Phù hợp Hiến pháp, bảo đảm nguyên tắc mọi người được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường

2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác, điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên không?	- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có ☐ Không ☒ X - Với văn bản của cơ quan khác: Có ☐ Không ☒ X - Với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên: Có ☐ Không ☒ X Nếu Có, đề nghị nêu rõ:
III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i> TTHC này tại Dự thảo Luật chỉ sửa đổi tượng; Không sửa đổi tên, trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết, cơ quan giải quyết, phí, lệ phí và chi phí khác, yêu cầu, điều kiện, mẫu đơn, tờ khai, Do vậy, tại giai đoạn hiện nay, chỉ đưa ra những đánh giá sơ bộ đối với các bộ phận TTHC được sửa đổi.	
1. Tên thủ tục hành chính: Không sửa đổi	
2. Trình tự thực hiện:	Không sửa tại Dự thảo Luật mà giao tại văn bản dưới luật
3. Cách thức thực hiện	Không sửa tại Dự thảo Luật mà giao tại văn bản dưới luật
4. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không sửa tại Dự thảo Luật mà giao tại văn bản dưới luật	
5. Thời hạn giải quyết: Không sửa tại Dự thảo Luật mà giao tại văn bản dưới luật	
6. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước ☐ Nước ngoài ☐ - Cá nhân: Trong nước ☐ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ: TTHC này không phân biệt tổ chức, cá nhân trong nước hay nước ngoài thực hiện thủ tục. TTHC chỉ áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có các hoạt động đầu tư có nguy cơ gây tác động xấu đến môi trường.

	- Có thể thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Đã cắt giảm và đưa ra các nhóm không phải thực hiện điều chỉnh giấy phép môi trường đối với “Dự án đầu tư, cơ sở có thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại hoặc nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất sau khi kết thúc quá trình vận hành thử nghiệm để phù hợp với năng lực hoạt động thực tế”. Việc cắt giảm nhằm đơn giản hoá TTHC và bảo đảm tính tương đồng trong quá trình thực hiện thủ tục về điều chỉnh giấy phép môi trường với các đối tượng thực hiện GPMT.
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc ☒ - Lý do quy định: Các dự án đầu tư có thể triển khai trên phạm vi toàn quốc, không giới hạn vùng, miền. - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Các dự án đầu tư có giấy phép môi trường cần điều chỉnh có thể có địa điểm thực hiện ở trên phạm vi toàn quốc, không bị giới hạn ở các vùng, miền riêng biệt.
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm:	
7. Cơ quan giải quyết: Không sửa đổi	
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có): Không sửa tại Dự thảo Luật mà giao tại văn bản dưới luật	
9. Mẫu đơn, tờ khai: Không sửa tại Dự thảo Luật mà giao tại văn bản dưới luật	
10. Yêu cầu, điều kiện	Không sửa tại Dự thảo Luật mà giao tại văn bản dưới luật
11. Kết quả thực hiện: Không sửa đổi	
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền:	

Điện thoại cố định:; Di động:.....

E-mail:.....